

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2005/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2005

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2005/NĐ-CP
ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định
chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi)**

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi),

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

Phần I

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi) (sau đây gọi là Nghị định số 11/2005/NĐ-CP) các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chứng thư đánh giá công nghệ* là văn bản kết luận của Tổ chức đánh giá công nghệ xác định trình độ, giá trị và tác động của công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

2. *Chứng thư giám định công nghệ* là văn bản kết luận của Tổ chức giám định công nghệ về mức độ phù hợp của công nghệ trong thực tế so với các nội dung Hợp đồng chuyển giao công nghệ, công nghệ trong Dự án đầu tư.

3. *Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp của công nghệ hoặc có quyền chuyển giao quyền sử dụng công nghệ* là tổ chức, cá nhân đã đầu tư để tạo ra công nghệ hoặc có công nghệ và thực hiện chuyển giao công nghệ mà không vi phạm quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ của Việt Nam về Quyền sở hữu công nghiệp đối với công nghệ.

4. *Giá của công nghệ được chuyển giao* là tổng số tiền Bên nhận phải trả cho Bên giao (và Bên thứ ba do Bên giao chỉ định để thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ) trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận giữa Bên giao và Bên nhận, phù hợp với tính chất, nội dung, quy mô áp dụng công nghệ và hiệu quả kinh tế do công nghệ được chuyển giao mang lại (không bao gồm các chi phí thanh toán cho việc đi lại, ăn ở, sinh hoạt của nhân viên Bên nhận khi được đào tạo, không bao gồm chi phí mua máy móc, thiết bị).

5. *Cấp phép đặc quyền kinh doanh* còn gọi là Nhượng quyền thương mại trong Luật Thương mại (franchise). Chuyển giao công nghệ trong Nhượng quyền thương mại thực hiện theo Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02/02/2005 và Thông tư này.

Phần II

NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

I. ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Các bí quyết về công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, phương án công nghệ, quy trình công nghệ, các tài liệu thiết kế (có chứa đựng các giải pháp kỹ thuật, bí quyết), phần mềm máy tính có chứa đựng các giải pháp kỹ thuật (việc chuyển giao phần mềm máy tính không kèm theo nội dung công nghệ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về Quyền tác giả), cấp phép đặc quyền kinh doanh.

2. Công nghệ là đối tượng Sở hữu công nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ thì việc chuyển giao công nghệ phải thực hiện cùng với việc chuyển giao quyền sở

hữu, quyền sử dụng các đối tượng Sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ.

II. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Phương thức chuyển giao công nghệ bao gồm:

1. Chuyển giao các tài liệu kỹ thuật có chứa đựng các giải pháp kỹ thuật, bí quyết, thiết kế, công thức, quy trình công nghệ. Trong Hợp đồng phải ghi cụ thể tên, nội dung các loại tài liệu sẽ được chuyển giao.

2. Thực hiện việc đào tạo nhằm giúp cho Bên nhận nắm vững và làm chủ công nghệ trong một thời hạn xác định. Trong chương trình đào tạo quy định cụ thể về số lượng công nhân, cán bộ kỹ thuật, các ngành nghề, nội dung được đào tạo, thời hạn và nơi đào tạo, kết quả đào tạo.

Trong trường hợp Hợp đồng có nội dung đào tạo thì Hợp đồng phải quy định khi kết thúc chương trình đào tạo Bên giao phải cấp chứng chỉ cho người được đào tạo. Hợp đồng có thể quy định chi phí cho từng khoản mục đào tạo như: học phí, chi phí ăn ở, đi lại cho học viên và giảng viên và các chi phí liên quan khác.

3. Thực hiện hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật bằng cách Bên giao cử chuyên gia giúp Bên nhận đưa công nghệ vào sản xuất với chất lượng công nghệ và chất lượng sản phẩm đạt các chỉ tiêu và tiến độ xác định trong Hợp đồng, giải quyết các khó khăn trong quá trình áp dụng công nghệ được chuyển giao vào sản xuất.

Việc hỗ trợ kỹ thuật phải được quy định chi tiết trong Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng trong đó quy định nội dung, chi phí cho từng khoản mục hỗ trợ kỹ thuật như số lượng chuyên gia, thời gian làm việc, lương, phụ cấp của chuyên gia, các chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác.

Trong khi thực hiện dịch vụ hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật, Bên giao không trực tiếp quản lý công nghệ hay trực tiếp quản lý kinh doanh thay Bên nhận. Việc tư vấn quản lý kinh doanh thuần túy không thuộc phạm vi của chuyển giao công nghệ.

III. KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Các Bên tham gia Hợp đồng chuyển giao công nghệ cần xác định kết quả của việc chuyển giao công nghệ; kết quả này được xác định bằng các chỉ tiêu chất lượng của công nghệ và chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đã được quy định trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

9698742
Tel: +84-8-3845 6684 * www.TinVienPhapLuat.com
LawSoft *

IV. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Nội dung Hợp đồng chuyển giao công nghệ được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ là Hợp đồng chuyển giao các đối tượng quy định tại Mục I, Phần II Thông tư này. Các Hợp đồng chuyển giao các đối tượng nêu tại Mục 1, Phần II mang các tên khác như Hợp đồng li xăng công nghệ và trợ giúp kỹ thuật, Hợp đồng li xăng bí quyết kỹ thuật, Hợp đồng trợ giúp kỹ thuật cũng được hiểu là Hợp đồng chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).

Các Hợp đồng mang tên Hợp đồng li xăng công nghệ, Hợp đồng li xăng bí quyết kỹ thuật (li xăng có nghĩa là giấy phép) bao hàm nội dung cho phép Bên nhận sử dụng công nghệ với những điều kiện nhất định như sử dụng công nghệ trong một thời hạn nhất định hoặc trong một giới hạn nhất định.

2. Tùy theo thỏa thuận giữa các Bên về nội dung chuyển giao công nghệ mà trong Hợp đồng có thể bao gồm toàn bộ hoặc chỉ một phần nội dung đã quy định tại Mục I, Phần II Thông tư này.

3. Các dạng Hợp đồng đặc thù:

a) Trường hợp mua bán thiết bị có kèm theo chuyển giao công nghệ thì nội dung chuyển giao công nghệ và chi phí chuyển giao công nghệ cần lập thành một phần riêng của Hợp đồng mua bán thiết bị.

b) Việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài được hai Bên thỏa thuận miễn phí nhưng có ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ thì các Bên cũng phải lập thành văn bản Hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 11/2005/NĐ-CP.

4. Phương thức thanh toán cho chuyển giao công nghệ.

Các Bên tham gia Hợp đồng có thể thỏa thuận thanh toán cho chuyển giao công nghệ theo các phương thức sau:

a) Trả theo hình thức góp vốn bằng công nghệ.

Nếu Bên giao và Bên nhận công nghệ thỏa thuận góp vốn bằng giá trị của công nghệ thì hai Bên phải lập Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong đó toàn bộ giá trị của công nghệ của Bên giao được tính thành một số tiền nhất định trong tổng vốn của Bên nhận. Sau khi Bên giao đã thực hiện đầy đủ nội dung chuyển giao công nghệ quy định trong Hợp đồng thì hai Bên phải lập Biên bản nghiệm thu để xác

nhận Bên giao hoàn thành chuyển giao công nghệ và hoàn thành việc góp vốn bằng công nghệ.

b) Trả kỳ vụ theo phần trăm (%) Giá bán tịnh.

Đối với các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện do Bên thứ ba sản xuất tại Việt Nam theo công nghệ của Bên giao (thông qua Bên nhận) mà Bên giao không nhận phí chuyển giao công nghệ của Bên thứ ba thì Bên giao và Bên nhận có thể thỏa thuận không trừ chi phí mua các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện này khi tính Giá bán tịnh.

c) Trả kỳ vụ bằng một khoản tiền cho một đơn vị sản phẩm (có áp dụng công nghệ được chuyển giao) được Bên nhận sản xuất và bán.

d) Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần.

đ) Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận trước thuế của Bên nhận.

e) Trả gọn một lần hay nhiều lần.

Theo phương thức này hai Bên xác định thanh toán bằng một khoản tiền hoặc một lượng hàng hóa nhất định, được chia ra để trả gọn một lần hay một số lần vào các thời điểm kết thúc từng giai đoạn của quá trình chuyển giao công nghệ trong thời hạn Hợp đồng. Ví dụ, sau ngày Hợp đồng có hiệu lực, ngày nhận được các tài liệu kỹ thuật, ngày hoàn thành chạy thử, ngày nghiệm thu, ngày bắt đầu sản xuất thương mại, ngày bán lô sản phẩm đầu tiên.

g) Thỏa thuận nhiều phương thức thanh toán khác nhau.

Hai Bên có thể thỏa thuận nhiều phương thức thanh toán khác nhau cho công nghệ được chuyển giao. Trong trường hợp này, giá trị thanh toán trong Đơn đề nghị xác nhận đăng ký Hợp đồng cần được tính toán quy về tỷ lệ phần trăm Giá bán tịnh (đối với chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm có sử dụng các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện, từ các nhà cung cấp khác) hoặc quy về tỷ lệ phần trăm Doanh thu thuần (đối với chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm còn lại) và dự kiến tổng giá trị thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ trong suốt thời hạn Hợp đồng.

5. Các cam kết về bảo đảm và bảo hành.

Trong Hợp đồng cần có các cam kết sau:

a) Cam kết của Bên giao:

- Trong trường hợp mục tiêu của Hợp đồng chuyển giao công nghệ là áp dụng một quy trình công nghệ mới hoặc tạo ra Sản phẩm mới, thì Bên giao phải cam kết: nội dung chuyển giao công nghệ là cần thiết và đủ để Bên nhận có công nghệ với chất lượng công nghệ và chất lượng Sản phẩm sản xuất ra đạt các chỉ tiêu đề ra trong Hợp đồng

- Trách nhiệm đối với các vi phạm Quyền sở hữu công nghiệp của Bên thứ ba.
- Các nội dung công nghệ được bảo hành và thời hạn bảo hành.
- Các cam kết khác trong trường hợp công nghệ, sản phẩm dịch vụ không đạt các chỉ tiêu đã xác định trong Hợp đồng, không bảo đảm các tiêu chuẩn về vệ sinh, môi trường.

b) Cam kết của Bên nhận:

Bên nhận cam kết thực hiện đúng các chỉ dẫn của Bên giao, đảm bảo giữ bí mật về công nghệ và thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

6. Các Bên có thể tham khảo mẫu Hợp đồng quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này.

Phần III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

I. ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ.

1. Văn bản xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ là Văn bản xác nhận tính hợp pháp của Hợp đồng, tính hợp lệ của Hồ sơ đăng ký.

2. Văn bản xác nhận đăng ký Hợp đồng không phải là giấy phép sản xuất sản phẩm, cũng không phải là giấy phép để nhập khẩu, xuất khẩu các nguyên vật liệu, vật tư, hóa chất, bán thành phẩm cho việc sản xuất các sản phẩm của Hợp đồng.

3. Văn bản xác nhận đăng ký Hợp đồng là căn cứ để hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước về chuyển giao công nghệ, là căn cứ cho việc chuyển ngoại tệ thanh toán cho việc mua, bán công nghệ và là cơ sở pháp lý cho việc hạch toán các chi phí chuyển giao công nghệ.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Hồ sơ đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ được quy định cụ thể như sau:

1. Đơn đề nghị xác nhận đăng ký Hợp đồng (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này).

Trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc chuyển giao công nghệ trong nước thì Bên nhận phải ký vào Đơn đề nghị xác nhận đăng ký Hợp đồng. Trường hợp Bên nhận muốn ủy quyền đại diện pháp lý cho cơ quan tư vấn tiến hành đăng ký Hợp đồng thì trong Đơn đề nghị xác nhận đăng ký Hợp đồng, Bên nhận phải ghi rõ việc ủy quyền này.

Trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thì Bên giao công nghệ phải ký vào Đơn.

Trong trường hợp nội dung Hợp đồng có liên quan đến bí mật thương mại của các Bên tham gia Hợp đồng thì trong Đơn đề nghị xác nhận đăng ký Hợp đồng cần nêu yêu cầu bảo mật đối với Hợp đồng.

2. Hợp đồng (bản gốc) đã được các Bên ký và đóng dấu (nếu đối tượng tham gia là pháp nhân), tên người ký và tên cơ quan trên con dấu phải phù hợp với tên người đại diện và tên cơ quan quy định trong Hợp đồng.

Các Bên phải ký tắt (hoặc đóng dấu giáp lai nếu đối tượng tham gia là pháp nhân) vào tất cả các trang của Hợp đồng và Phụ lục.

3. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của các Bên tham gia Hợp đồng (bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động). Giấy xác nhận tư cách pháp lý đối với người đại diện, ký tên trong Hợp đồng (trường hợp chữ ký của người đại diện không có dấu đóng kèm theo). Đối với các Văn bản bằng tiếng nước ngoài, yêu cầu có bản dịch được công chứng.

4. Bản giải trình tóm tắt về nội dung công nghệ được chuyển giao (bao gồm sơ đồ các bước công nghệ, kết quả đạt được sau khi sử dụng bí quyết công nghệ) có chữ ký, đóng dấu của Bên Việt Nam. Nếu có sẵn Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Bản giải trình kinh tế - kỹ thuật có trình bày về công nghệ thì chỉ cần gửi kèm Hồ sơ 1 bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc bản sao Bản giải trình kinh tế - kỹ thuật).

5. Văn bằng bảo hộ Quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam trong trường hợp có chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các đối tượng Sở hữu công nghiệp đã

09.742

được cấp Văn bằng bảo hộ (bản sao có dấu sao y bản chính của Bên Việt Nam tham gia Hợp đồng).

6. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư (quy định tại Quy chế quản lý đầu tư do Chính phủ ban hành) quyết định chấp thuận đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ của Dự án có sử dụng Vốn Ngân sách Nhà nước, Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, Vốn đầu tư phát triển của Nhà nước (đối với cả 3 trường hợp: chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước và chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

7. Biên bản của Hội đồng quản trị Bên nhận nhất trí chấp thuận Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước mà Bên nhận có sử dụng Vốn Ngân sách Nhà nước, Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, Vốn đầu tư phát triển của Nhà nước và Điều lệ của Bên nhận quy định Hội đồng quản trị phải nhất trí thông qua đối với kế hoạch thu, chi ngân sách hàng năm của Bên nhận (Hội đồng quản trị Bên nhận nhất trí chấp thuận Hợp đồng trước khi Hợp đồng được ký kết), (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

Trong trường hợp Doanh nghiệp Bên nhận có sử dụng Vốn Ngân sách Nhà nước, Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, Vốn đầu tư phát triển của Nhà nước mà không có Hội đồng quản trị thì đại diện Chủ sở hữu phải chấp thuận Hợp đồng trước khi Hợp đồng được ký kết (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

8. Chứng thư đánh giá, giám định công nghệ (đối với công nghệ thuộc Danh mục các lĩnh vực công nghệ bắt buộc phải có Chứng thư đánh giá, giám định công nghệ do Thủ tướng Chính phủ ban hành), (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

9. Giấy phép sản xuất sản phẩm, bản sao có chữ ký và đóng dấu của Bên Việt Nam tham gia Hợp đồng (đối với loại sản phẩm pháp luật quy định phải có Giấy phép sản xuất).

Khi nộp Hồ sơ tại Cơ quan xác nhận đăng ký, yêu cầu nộp 3 bộ (ít nhất 1 bộ có các bản chính như đã nêu ở Mục II Phần này), riêng Báo cáo nghiên cứu khả thi chỉ cần 1 bản sao như quy định tại khoản 4 Mục II Phần này.

III. PHÂN CẤP XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Đăng ký tại Bộ Khoa học và Công nghệ

Các Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam có giá trị trên 1.000.000.000 đồng và Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài nộp Hồ sơ tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là đơn vị giúp Bộ trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ này.

2. Đăng ký tại Sở Khoa học và Công nghệ

Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam có tổng giá trị thanh toán từ 1.000.000.000 đồng trở xuống và chuyển giao công nghệ trong nước có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên (hoặc Hợp đồng có tổng giá trị thanh toán thấp hơn giá trị này nhưng các Bên tham gia Hợp đồng có nhu cầu xác nhận đăng ký) nộp Hồ sơ xác nhận đăng ký Hợp đồng tại Sở Khoa học và Công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Bên nhận đăng ký kinh doanh. Phòng quản lý Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện nhiệm vụ này.

3. Cơ quan xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ có quyền hạn thu hồi, hủy bỏ xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã đăng ký tại cơ quan này trong trường hợp phát hiện có sự vi phạm pháp luật.

4. Xác nhận đăng ký Hợp đồng

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ Hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Văn bản xác nhận đăng ký cho các Bên tham gia Hợp đồng chuyển giao công nghệ (mẫu Văn bản xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này).

IV. CÁC HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ KHÔNG ĐƯỢC XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ

Các Hợp đồng không được cấp Văn bản xác nhận đăng ký bao gồm:

1. Hợp đồng không có nội dung chuyển giao công nghệ (nội dung Hợp đồng thuần túy là nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, thí nghiệm, mua bán các sản phẩm, thuê lao động, thuê quản lý, sản xuất, thăm dò, xây dựng, sử dụng, bảo hành, sửa chữa trang, thiết bị).

2. Nội dung và Hồ sơ Hợp đồng không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Đối với những Hợp đồng chưa được xác nhận đăng ký, sau khi Hợp đồng được các Bên sửa đổi, bổ sung khắc phục các tồn tại như nêu tại khoản 1, 2 trên đây, Hợp đồng sẽ được tiếp tục xem xét, xác nhận đăng ký.

V. BÁO CÁO THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Bên nhận công nghệ (trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước), Bên giao (trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) phải gửi báo cáo hàng năm về tình hình thực hiện chuyển giao công nghệ cho Cơ quan đã cấp Văn bản xác nhận đăng ký Hợp đồng (mẫu Báo cáo hàng năm quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này).

VI. BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kết quả thực hiện Hợp đồng phải được các Bên tham gia Hợp đồng đánh giá, xác nhận bằng Biên bản nghiệm thu và gửi cho Cơ quan đã cấp Văn bản xác nhận đăng ký Hợp đồng (mẫu Biên bản nghiệm thu quy định tại Phụ lục 4 Thông tư này).

VII. KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Cơ quan cấp Văn bản xác nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền được phân cấp và theo quy định của pháp luật.

Phần IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này thay thế Thông tư số 1254/1999/TT-BKHCNMT ngày 12 tháng 7 năm 1999 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ và Thông tư số 11/2002/TT-BKHCN ngày 29 tháng 11 năm 2002 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 59/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc bãi bỏ một số giấy phép và thay thế một số giấy phép bằng phương thức quản lý khác.

2. Các Hợp đồng đã được đăng ký, phê duyệt trước ngày Nghị định số 11/2005/NĐ-CP có hiệu lực, thì vẫn có giá trị thi hành đến hết thời hạn Hợp đồng đã được đăng ký, phê duyệt.

Nếu các Bên tham gia Hợp đồng có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Hợp đồng đã được đăng ký, phê duyệt (trước ngày Nghị định số 11/2005/NĐ-CP có hiệu lực) thì phải nộp bản Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi tại Cơ quan đã cấp Văn bản xác nhận đăng ký, phê duyệt trước đó để xem xét, quyết định. Nội dung của Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi tuân theo các quy định của Nghị định số 11/2005/NĐ-CP.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cá nhân, tổ chức kịp thời phản ánh để Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Thắng

Phụ lục I**Mẫu Đơn đề nghị đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ**

(Kèm theo Thông tư số 30/2005/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 12 năm 2005)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆKính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ
(hoặc Sở Khoa học và Công nghệ....)**I. Các Bên tham gia Hợp đồng chuyển giao công nghệ:****1) Bên giao công nghệ**

Tên (tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ:

Tel; Email; Fax:

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

Tên người đại diện; chức danh:

2) Bên nhận công nghệ:

Tên:

Địa chỉ:

Tel; Email; Fax:

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

Tên người đại diện; chức danh:

3) Tổ chức, cá nhân được ủy quyền thay mặt các Bên làm thủ tục đăng ký Hợp đồng (nếu có)

Tên:

Địa chỉ:

Tel; Email; Fax:

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

Tên người đại diện; chức danh:

II. Hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc một trong các loại Dự án đầu tư sau (1):

+) Đầu tư trong nước: (2)

- Tổng vốn đầu tư:

- Vốn điều lệ:

+ Có sử dụng vốn Nhà nước (tỷ lệ):

+) Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam:

- Tổng vốn đầu tư:

- Vốn pháp định:

+ Liên doanh:

Tên, địa chỉ các tổ chức, cá nhân tham gia liên doanh:

Tỷ lệ góp vốn Bên nước ngoài:%

Tỷ lệ góp vốn Bên Việt Nam:%

Tỷ lệ sử dụng vốn Nhà nước:%

+ 100% vốn nước ngoài:

Tên, địa chỉ các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam:

+ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (HTKD):

Tên, địa chỉ các tổ chức, cá nhân tham gia Hợp đồng HTKD:

Tỷ lệ góp vốn Bên nước ngoài:%

Tỷ lệ góp vốn Bên Việt Nam:%

Tỷ lệ sử dụng vốn Nhà nước:%

+)Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài:

+ Liên doanh:

Tên, địa chỉ các tổ chức, cá nhân tham gia liên doanh:

Tỷ lệ góp vốn Bên Việt Nam:%

Tỷ lệ sử dụng vốn Nhà nước:%

Tỷ lệ góp vốn Bên nước ngoài:%

+ 100% vốn của Việt Nam:

Tên, địa chỉ, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài:

+ Hợp đồng HTKD:

Tên, địa chỉ các tổ chức, cá nhân tham gia Hợp đồng HTKD:

Tỷ lệ góp vốn Bên Việt Nam:%

Tỷ lệ sử dụng vốn Nhà nước:%

Tỷ lệ góp vốn Bên nước ngoài:%

+)Thời hạn hoạt động của Dự án:

III. Hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập (3)

IV. Sản phẩm của công nghệ được chuyển giao:

1) Tên, ký hiệu sản phẩm:

2) Tiêu chuẩn chất lượng (theo tiêu chuẩn cơ sở, ngành, quốc gia, quốc tế...)

3) Sản lượng:

4) Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được):

V. Nội dung Hợp đồng:

1) Quyền liên quan đến công nghệ được chuyển giao:

+ Phạm vi lãnh thổ được chuyển giao công nghệ:

+ Sản xuất: Độc quyền /Không độc quyền

+ Công nghệ: Được chuyển giao lại /Không được chuyển giao lại

+ Bán hàng: Độc quyền trong phạm vi lãnh thổ /Không độc quyền trong phạm vi lãnh thổ

Được xuất khẩu /Không được xuất khẩu

2) Nội dung chuyển giao công nghệ:

NỘI DUNG	CÓ	KHÔNG	GHI CHÚ
+ Bí quyết công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Tài liệu kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Trợ giúp kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Li xăng các đối tượng Sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

3) Thời hạn Hợp đồng chuyển giao công nghệ:

4) Phương thức thanh toán của Bên nhận:

Trả gọn ; Trả theo % Giá bán tịnh ; Trả theo % Doanh thu thuần ;

Góp vốn bằng công nghệ với giá trị của công nghệ bằng % Tổng vốn đầu tư:

Trả theo % lợi nhuận trước thuế ; Thanh toán theo các phương thức khác .

5) Giá thanh toán cho chuyển giao công nghệ:

Nếu trong Hợp đồng việc thanh toán được chia ra cho nhiều nội dung thì ghi giá trị thanh toán cho từng nội dung cụ thể.

VI. Các văn bản kèm theo Đơn đề nghị đăng ký Hợp đồng:

- Bản Hợp đồng bằng tiếng Việt Nam , số lượng bản:.....
- Bản Hợp đồng bằng tiếng (nước ngoài)..... , số lượng bản:.....
- Bản tóm tắt về nội dung công nghệ được chuyển giao
- (hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án)
- Bản dự kiến chi phí chuyển giao công nghệ phải trả từng năm và Tổng giá thanh toán trong suốt thời hạn Hợp đồng .
- Các văn bản xác nhận:
 - + Giấy phép đầu tư (Đăng ký kinh doanh, Giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ) của các Bên tham gia Hợp đồng

+ Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các Bên tham gia Hợp đồng (trường hợp tổ chức tham gia Hợp đồng không đóng dấu vào Hợp đồng)

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đầu tư (nếu có sử dụng vốn Nhà nước) đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ

- Các Văn bằng bảo hộ liên quan đến đối tượng Sở hữu công nghiệp được chuyển giao

- Biên bản của Hội đồng quản trị Bên nhận nhất trí chấp thuận Hợp đồng chuyển giao công nghệ (trong trường hợp Bên nhận có sử dụng vốn Nhà nước và Điều lệ của Bên nhận quy định phải được nhất trí thông qua đối với kế hoạch thu, chi ngân sách hàng năm của Bên nhận) .

- Chứng thư đánh giá, giám định (đối với công nghệ nằm trong Danh mục các lĩnh vực công nghệ bắt buộc phải có Chứng thư đánh giá, giám định)

- Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho Bên thứ ba thực hiện đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TM. CÁC BÊN

Bên giao (*chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu*) đối với chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài

Bên nhận (*chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu*) đối với chuyển giao công nghệ trong nước hoặc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

Lưu ý:

- (1) Căn cứ loại Dự án đầu tư của mình, người nộp đơn điền vào dạng đầu tư thích hợp.
- (2) Đối với ô trống , nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu X vào trong ô trống;
- (3) Hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập được hiểu là không kèm theo mua sắm thiết bị, đầu tư xây dựng.

Phụ lục II

Mẫu văn bản xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ

(Kèm theo Thông tư số 30/2005/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2005)

QUỐC HUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Tên cơ quan
xác nhận đăng ký*

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Căn cứ Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi);

- Căn cứ Đơn đề nghị đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ đề ngày..... và Hồ sơ Hợp đồng chuyển giao công nghệ của (tên tổ chức, cá nhân nhận công nghệ)....., nộp ngày....., bổ sung lần cuối cùng ngày (nếu có).....

XÁC NHẬN

Hợp đồng:

(Tên Hợp đồng, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tên và ký mã hiệu sản phẩm....)

Ký ngày:

Bản gốc (bằng tiếng Việt Nam) gồm:..... trang, trong đó có các Phụ lục số.....

Bên giao:

Tên:

Địa chỉ:

Số, ngày, cơ quan cấp Giấy phép đầu tư (hoặc Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ):

Bên nhận

Tên:

Địa chỉ:

Số, ngày, cơ quan cấp Giấy phép đầu tư (hoặc Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ):

Quyền chuyển giao công nghệ:

Phạm vi lãnh thổ công nghệ được chuyển giao:

Sản xuất: Độc quyền (Không độc quyền)

Công nghệ: Được chuyển giao lại (Không được chuyển giao lại) cho Bên thứ ba

Bán hàng: Độc quyền (Không độc quyền); Được xuất khẩu (Không được xuất khẩu)

Giá chuyển giao công nghệ:

Thời hạn Hợp đồng chuyển giao công nghệ:

Hợp đồng đã được đăng ký vào Sổ đăng ký Quốc gia về chuyển giao công nghệ tại... (tên cơ quan xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ):

Số đăng ký...../..... ngày.....tháng..... năm.....

Việc Li-xăng các đối tượng Sở hữu công nghiệp (được cấp văn bằng bảo hộ) chỉ có giá trị sau khi nội dung này đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

*Tên cơ quan xác nhận đăng ký Hợp đồng
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)*

Phụ lục III

Mẫu Báo cáo năm về tình hình thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ
(Kèm theo Thông tư số 30/2005/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 12 năm 2005)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO NĂM.....

VỀ VIỆC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (*)

Kính gửi: (Tên cơ quan đã xác nhận đăng ký hợp đồng)

1. Tên Bên nhận công nghệ:
2. Địa chỉ:
3. Số, ngày, cơ quan cấp Giấy phép đầu tư (hoặc Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ):
4. Ngày chính thức bước vào hoạt động (có hàng hóa bán ra thị trường, ngày hàng hóa được nhập khẩu để đóng gói và bán, ngày hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu, bán thành phẩm và bán):
5. Báo cáo các số liệu về tài chính năm...:
 - + Doanh thu:
 - + Lợi nhuận sau thuế:
6. Các vấn đề về hoạt động chuyển giao công nghệ:
 - + Tên Hợp đồng chuyển giao công nghệ
 - Số, ngày, cơ quan xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ:

+ Ngày đưa công nghệ vào sản xuất:

6.1. Số lượng sản phẩm đã sản xuất trong năm theo công nghệ được chuyển giao:

6.2. Chất lượng sản phẩm so với quy định trong Hợp đồng:

Đạt

Không đạt

6.3. Chi phí đã thanh toán cho chuyển giao công nghệ trong năm...:

6.4. Nội dung công nghệ đã chuyển giao trong năm.....:

	Theo Hợp đồng	Đã thực hiện
6.4.1. Tài liệu (bí quyết) đã chuyển giao cho Bên nhận trong năm.... (tên tài liệu, bí quyết)...		
Chi phí:		
6.4.2. Đào tạo:		
- Số người x ngày được đào tạo ở nước ngoài:		
Cán bộ lãnh đạongười. ngàyngười. ngày
Kỹ sưngười. ngàyngười. ngày
Công nhân, nhân viênngười. ngàyngười. ngày
- Số người x ngày được đào tạo ở trong nước:		
Cán bộ lãnh đạongười. ngàyngười. ngày
Kỹ sưngười. ngàyngười. ngày
Công nhân, nhân viênngười. ngàyngười. ngày
- Chi phí:
6.4.3. Hỗ trợ kỹ thuật		
- Số người x ngày chuyên gia làm nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Việt Nam:người. ngàyngười. ngày
- Chi phí:
8.4.4. Chi phí sử dụng các đối tượng Sở hữu công nghiệp:		
- Chi phí cho Nhãn hiệu hàng hóa:
- Chi phí cho các đối tượng khác:

8.4.5. Các phát sinh liên quan đến
chuyển giao công nghệ (nếu có):

- Nội dung:

.....

- Chi phí:

.....

TM. CÁC BÊN
BÊN NHẬN CÔNG NGHỆ

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

(*). Đây là mẫu báo cáo hàng năm thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam.

Phụ lục IV**Mẫu Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện****Hợp đồng chuyển giao công nghệ**

(Kèm theo Thông tư số 30/2005/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2005)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi) và Thông tư số... ngày... tháng... năm.... của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số điều Nghị định số 11/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Xác nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ số..... ngày..... tháng... năm.... của....(tên cơ quan xác nhận đăng ký);

Căn cứ Hợp đồng (tên Hợp đồng chuyển giao công nghệ) ký ngày..... tháng..... năm..... giữa (Bên nhận công nghệ)..... và (Bên giao công nghệ)..... (sau đây gọi là Hợp đồng)

Hôm nay, ngày..... tại..... các Bên tham gia Hợp đồng nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ như sau:

1. Tổng vốn đầu tư (nếu chuyển giao công nghệ theo Dự án đầu tư mới):

+ Phần xây dựng nhà xưởng:

+ Phần thiết bị:

2. Bên giao đã hoàn tất việc chuyển giao công nghệ với các nội dung sau đây:

2.1. Ngày chính thức đưa công nghệ vào sản xuất:

0698742

2.2. Số lượng sản phẩm đã sản xuất theo công nghệ được chuyển giao:

2.3. Chất lượng sản phẩm so với quy định trong Hợp đồng:

Đạt

Không đạt

2.4. Nội dung công nghệ đã chuyển giao.....:

Theo Hợp đồng

Đã thực hiện

2.4.1. Tài liệu (bí quyết) đã chuyển giao cho bên nhận: (tên tài liệu, bí quyết)....

Chi phí:

2.4.2. Đào tạo:

- Số người x ngày được đào tạo ở nước ngoài:

Cán bộ lãnh đạo:

.....người.ngày

.....người.ngày

Kỹ sư:

.....người.ngày

.....người.ngày

Công nhân, nhân viên:

.....người.ngày

.....người.ngày

- Số người x ngày được đào tạo ở trong nước:

Cán bộ lãnh đạo:

.....người.ngày

.....người.ngày

Kỹ sư:

.....người.ngày

.....người.ngày

Công nhân, nhân viên:

.....người.ngày

.....người.ngày

- Chi phí:

.....

.....

2.4.3. Hỗ trợ kỹ thuật

- Số người x ngày chuyên gia làm nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Việt Nam

.....người.ngày

.....người.ngày

- Chi phí:

.....

.....

2.4.4. Chi phí sử dụng các đối tượng

Sở hữu công nghiệp:

- Chi phí cho Nhãn hiệu hàng hóa:

.....

.....

- Chi phí cho các đối tượng khác:

.....

.....

2.3.5. Các phát sinh liên quan đến chuyển giao công nghệ (nếu có):

- Nội dung:

.....

.....

- Chi phí:

.....

.....

2.4. Tổng chi phí cho chuyển giao công nghệ trong thời hạn Hợp đồng:

3. Hiệu quả kinh tế đạt được trong thời hạn Hợp đồng:

- Doanh thu:
- Lợi nhuận:
- Nộp thuế:

4. Hai Bên xác nhận rằng công nghệ được chuyển giao đã được đưa vào sản xuất, kinh doanh đạt kết quả theo đúng (hoặc có thay đổi..... so với) nội dung xác định trong Hợp đồng (chất lượng công nghệ, chất lượng Sản phẩm thực tế đạt (chưa đạt...) các chỉ tiêu xác định tại Phụ lục..... của Hợp đồng.

Biên bản này được lập thành..... bản bằng..... (ngôn ngữ) và..... bản bằng..... (ngôn ngữ) có giá trị pháp lý như nhau, trong đó 01 (một) bản được gửi cho Cơ quan đã cấp Văn bản xác nhận đăng ký.

BÊN GIAO CÔNG NGHỆ (*)

BÊN NHẬN CÔNG NGHỆ (*)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

(*). Đây là Báo cáo nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam.

Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, trường hợp Bên giao không có điều kiện đóng dấu thì phải kèm theo văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người ký là đại diện Bên giao.

Phụ lục V

Mẫu Hợp đồng chuyển giao công nghệ

(Kèm theo Thông tư số 30/2005/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2005)

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Hợp đồng chuyển giao công nghệ..... (bao gồm tên công nghệ và tên của Sản phẩm)

giữa

(Tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ đầy đủ, nơi đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khoa học và công nghệ, số tài khoản, nơi mở tài khoản của Bên giao công nghệ, Tên, chức vụ người đại diện, sau đây gọi tắt là "Bên giao")

và

(Tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ đầy đủ, nơi đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khoa học và công nghệ, số tài khoản, nơi mở tài khoản của Bên nhận công nghệ, Tên, chức vụ người đại diện, sau đây gọi tắt là "Bên nhận")

MỞ ĐẦU

Hợp đồng này được lập dựa trên cơ sở hiểu biết sau đây giữa các Bên:

- a. Bên giao có quyền sở hữu (hoặc quyền sử dụng), có quyền và khả năng chuyển giao các đối tượng Sở hữu công nghiệp hoặc thông tin, bí quyết kỹ thuật có giá trị thương mại để sản xuất, kinh doanh... (tên Sản phẩm)
- b. Bên giao đã tiến hành sản xuất và bán... (tên Sản phẩm) qua... (số năm) năm.
- c. Bên nhận mong muốn và có khả năng tiếp nhận, áp dụng công nghệ của Bên giao để sản xuất... (tên Sản phẩm).
- d. Hai Bên tham gia Hợp đồng tin tưởng vào sự thành công của việc chuyển giao công nghệ để Bên nhận sản xuất và kinh doanh có hiệu quả... (tên Sản phẩm).

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu thống nhất như sau:

- a. “Sản phẩm” bao gồm các Sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục A.
- b. “Quyền sở hữu công nghiệp” là một hoặc các quyền được Nhà nước bảo hộ theo pháp luật Sở hữu trí tuệ (Tên, số văn bằng bảo hộ...)
- c. “Công nghệ” là..... để sản xuất ra.... (tên Sản phẩm) theo đúng nội dung nêu tại Phụ lục A.
- d. “Thông tin công nghệ” là các thông tin cần thiết nhằm áp dụng công nghệ để triển khai sản xuất, tạo ra Sản phẩm nêu tại Phụ lục A. Thông tin như vậy bao gồm các chỉ dẫn, tính toán, đặc điểm, thông số chế tạo, bản vẽ, các bản in, ảnh, bản đồ và phần mềm máy tính hoặc các thông tin cần thiết khác.
- đ. “Tài liệu” là một bộ phận của công nghệ được nêu tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng.
- e. “Đào tạo” là một nội dung chuyển giao công nghệ được nêu tại khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng.
- g. “Hỗ trợ kỹ thuật” là sự giúp đỡ cần thiết của Bên giao cho Bên nhận để đảm bảo sản xuất được Sản phẩm thỏa mãn các chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại Phụ lục A hoặc/và để loại bỏ các khó khăn, thiếu sót trong việc áp dụng công nghệ.
- h. “Kỹ thuật viên” là các chuyên gia do Bên giao cử tới Bên nhận để cung cấp sự Hỗ trợ kỹ thuật.
- i. “Lãnh thổ” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (và các lãnh thổ khác theo thỏa thuận)
- k. “Giá bán tịnh” được dùng làm cơ sở thanh toán Hợp đồng chuyển giao công nghệ được định nghĩa là tổng giá bán Sản phẩm dịch vụ mà trong quá trình tạo ra chúng có áp dụng công nghệ được chuyển giao, tính theo hóa đơn bán hàng trừ đi các khoản sau:
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu (nếu có trong hóa đơn bán hàng);
 - Giá mua, tiền vận tải, bảo hiểm, thuế nhập khẩu các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết linh kiện được nhập khẩu hoặc mua từ trong nước;

- Chi phí bao bì, chi phí đóng gói, chi phí vận tải Sản phẩm đến nơi tiêu thụ, chi phí quảng cáo.

1. “Bất khả kháng” là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của một trong các Bên, gây cản trở hoặc làm chậm trễ việc thực hiện bất cứ thỏa thuận nào nêu trong Hợp đồng (Ví dụ bao gồm: chiến tranh, nổi loạn, bạo loạn, hành động phá hoại, đình công, bãi công, cháy, nổ, các tai nạn không thể tránh được, lũ lụt, bão, động đất, các hiện tượng tự nhiên không bình thường khác, các đạo luật hay quy chế của chính phủ có sự thay đổi...).

.....

(Một số thuật ngữ khác mà các Bên tham gia Hợp đồng thấy cần thiết phải quy định).

Điều 2. Phạm vi công nghệ

Bên giao đồng ý chuyển giao cho Bên nhận công nghệ mà Bên giao đã và đang sử dụng để sản xuất các Sản phẩm phù hợp với tất cả chỉ tiêu về sản lượng, chất lượng Sản phẩm, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và bảo vệ môi trường nêu trong Phụ lục A.

Điều 3. Lãnh thổ và độc quyền

3.1. Sử dụng công nghệ và sản xuất Sản phẩm.

Bên nhận được độc quyền (hoặc không độc quyền) sử dụng công nghệ để sản xuất Sản phẩm trong phạm vi Lãnh thổ.

3.2. Bán Sản phẩm.

Bên nhận độc quyền hoặc không độc quyền bán Sản phẩm ở trong phạm vi Lãnh thổ (và các thị trường khác trên thế giới).

3.3. Chuyển giao Công nghệ từ Bên nhận cho Bên thứ ba.

Bên nhận có quyền hoặc không có quyền chuyển giao công nghệ cho Bên thứ ba trong phạm vi Lãnh thổ phụ thuộc vào quy định của Điều 12 trong Hợp đồng này.

3.4. Li-xăng các đối tượng Sở hữu công nghiệp (là công nghệ được cấp Văn bằng bảo hộ)

Bên giao cấp li xăng cho Bên nhận sử dụng độc quyền hoặc không độc quyền quyền sử dụng đối tượng Sở hữu công nghiệp trong phạm vi Lãnh thổ...

Điều 4. Cung cấp Tài liệu, Đào tạo và Hỗ trợ kỹ thuật

Bên giao đồng ý cung cấp mọi Tài liệu, Đào tạo và Hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho Bên nhận để sản xuất Sản phẩm phù hợp với các chỉ tiêu kỹ thuật đã nêu ở Phụ lục A và phù hợp với tiến độ nêu tại khoản 4.4 dưới đây.

4.1. Tài liệu

4.1.1. Phạm vi của Tài liệu, bao gồm:

- a. Bản vẽ, sơ đồ và thiết kế kỹ thuật cho sản xuất và lắp đặt;
- b. Các chỉ tiêu kỹ thuật;
- c. Danh mục nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng;
- d. Bảng tính toán tổng hợp (nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng, lao động...);
- đ. Quy trình và số liệu cho kiểm tra và thử nghiệm, quy trình kiểm tra chất lượng Sản phẩm;
- e. Quy trình sản xuất và lắp ráp;
- g. Cẩm nang hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng trang thiết bị;
- h. Phần mềm máy tính;
- i. Công thức và biểu đồ;
- j. Những tài liệu cần thiết khác.

4.1.2. Hình thức Tài liệu: Tài liệu phải đầy đủ, chính xác, rõ ràng. Ngôn ngữ của Tài liệu được viết bằng tiếng.... (tên ngôn ngữ). Đơn vị đo lường ghi theo hệ mét.

4.1.3. Những sai sót (nếu có) trong Tài liệu: Bất cứ sai sót nào trong Tài liệu phải được Bên giao sửa chữa không chậm trễ bằng cách bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh hay bằng bất cứ phương thức thích hợp nào khác.

4.1.4. Sai sót trong phần mềm của máy tính: Nếu phần mềm máy tính bị hỏng bởi lỗi của Bên giao trong thời hạn của Hợp đồng, thì Bên giao sẽ thay thế ngay lập tức, Bên nhận không phải chịu phí tổn.

4.1.5. Những thay đổi trong Tài liệu: Nếu có bất kỳ sự cải tiến, nâng cao, sửa đổi, bổ sung, hay những thay đổi khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng đối với Tài liệu thuộc Hợp đồng này thì Bên giao sẽ cung cấp ngay cho Bên nhận.

4.2. Đào tạo:

4.2.1. Phạm vi Đào tạo: Bên giao đồng ý đào tạo nhân sự cho Bên nhận về các nội dung công nghệ cần thiết để sản xuất Sản phẩm phù hợp với các chỉ tiêu nêu tại Phụ lục A.

4.2.2. Chương trình Đào tạo:

Các Bên thỏa thuận:

a. Nội dung Đào tạo.....;

b. Thủ tục kiểm tra thích hợp để xác định rằng chương trình Đào tạo đã được hoàn thành, bao gồm (nhưng không giới hạn) việc kiểm tra, tiêu chuẩn để xác định rằng người đào tạo đã thực hiện tốt chương trình, tỷ lệ người được đào tạo đáp ứng được các tiêu chuẩn này trước khi việc đào tạo được coi là kết thúc;

c. Ngày bắt đầu....., ngày kết thúc đào tạo..., thời gian đào tạo.....;

d. Nơi đào tạo.....;

d. Số người được đào tạo.....;

e. Trình độ chuyên môn của những người được đào tạo.....;

g. Thủ tục để thay thế những người được đào tạo khi thấy không thích hợp trong quá trình đào tạo.....;

h. Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của Kỹ thuật viên.....;

i. Thủ tục thay thế Kỹ thuật viên của Bên giao khi không thích hợp với yêu cầu đào tạo...

4.2.3. Việc thay thế Kỹ thuật viên: Việc thay thế bất cứ Kỹ thuật viên nào đã được hai Bên nhất trí chọn bằng một người khác phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên nhận.

4.2.4. Ngôn ngữ Đào tạo: Ngôn ngữ dùng trong Đào tạo sẽ là tiếng... (ngôn ngữ). Bên giao cam kết cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc Đào tạo bằng tiếng... (ngôn ngữ).

4.2.5. Chi phí Đào tạo (nếu có): Chi phí Đào tạo do Bên.....chịu. Chi phí được tính theo giờ giảng dạy của Kỹ thuật viên. Thù lao của Kỹ thuật viên cấp cao là... (số tiền).... (loại tiền) một giờ và thù lao của Kỹ thuật viên cấp thấp là... (số tiền)....

(loại tiền) một giờ. Chi phí cho đào tạo được tính theo hóa đơn hàng tháng và được thanh toán trong vòng... (số ngày) kể từ khi nhận hóa đơn.

4.2.6. Các chi phí đi lại, ăn ở và các phí tổn khác cho học viên do Bên..... chịu.

4.2.7. Kết thúc Đào tạo: Vào cuối kỳ Đào tạo, Bên giao và Bên nhận sẽ tổ chức kiểm tra đối với từng học viên và cấp Giấy chứng nhận cho từng học viên. Nếu số lượng học viên đáp ứng được các tiêu chuẩn đặt ra đã đạt được tỷ lệ thỏa thuận.... (%) thì việc Đào tạo được coi là thành công và kết thúc. Mẫu Giấy chứng nhận được nêu tại Phụ lục B.

4.2.8. Không thành công trong Đào tạo: Nếu vào cuối kỳ Đào tạo..... (%) học viên không đạt tiêu chuẩn đã đặt ra thì Bên nhận có quyền yêu cầu tổ chức đào tạo thêm trong một khoảng thời gian hợp lý. Mỗi Bên chịu phần phí tổn của mình cho việc đào tạo thêm, trừ khi có sự thỏa thuận khác.

4.3. Hỗ trợ kỹ thuật.

4.3.1. Hỗ trợ kỹ thuật trước khi bắt đầu sản xuất: Trong giai đoạn trước khi bắt đầu sản xuất Bên giao sẽ giúp Bên nhận như sau:

- Gửi... Kỹ thuật viên trong... ngày làm việc sang hướng dẫn thiết kế, bố trí dây chuyền sản xuất, lắp đặt thiết bị...

(Trường hợp Bên nhận mua dây chuyền thiết bị mà giá thiết bị đã bao gồm cả chi phí lắp đặt, vận hành thử... thì trong Hợp đồng không có mục này).

4.3.2. Hỗ trợ kỹ thuật khi bắt đầu sản xuất: Từ khi bắt đầu sản xuất và cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức (nêu tại Mục 4.5 dưới đây), Bên giao đồng ý cung cấp... Kỹ thuật viên có trình độ thích ứng cho Bên nhận, với số ngày.... để tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ và hỗ trợ Bên nhận những điều cần thiết, nhằm đảm bảo sản xuất Sản phẩm đúng với chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại Phụ lục A.

4.3.3. Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sản xuất chính thức: Theo yêu cầu của Bên nhận, Bên giao đồng ý cung cấp ngay lập tức sự Hỗ trợ kỹ thuật vào bất cứ lúc nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng bằng cách gửi các Kỹ thuật viên thích hợp tới nơi sản xuất hay bằng bất cứ phương tiện khác thích hợp với tình hình diễn ra lúc đó.

4.3.4. Yêu cầu đối với Kỹ thuật viên: Tất cả các Kỹ thuật viên mà Bên giao cung

cấp cho Bên nhận để Hỗ trợ kỹ thuật phải có trình độ phù hợp, có kinh nghiệm thích hợp và sức khỏe tốt. Trong khi ở Việt Nam các Kỹ thuật viên phải chấp hành đúng luật lệ hiện hành.

Nếu Bên nhận yêu cầu, Bên giao phải gửi một bản lý lịch đầy đủ của từng Kỹ thuật viên cho Bên nhận trước khi quyết định cử Kỹ thuật viên sang Hỗ trợ kỹ thuật cho Bên nhận. Bên nhận có quyền, với lý do chính đáng, yêu cầu Bên giao thay thế một hoặc một số Kỹ thuật viên bằng một hoặc một số Kỹ thuật viên khác.

4.3.5. Thay thế các Kỹ thuật viên: trong quá trình Hỗ trợ kỹ thuật, nếu Kỹ thuật viên nào không đáp ứng yêu cầu do thiếu trình độ, thiếu khả năng, sức khỏe kém, có hành vi không tốt hay vì bất cứ lý do nào nghiêm trọng đến mức vi phạm pháp luật nước sở tại, thì theo một thông báo của Bên nhận gửi cho Bên giao, Kỹ thuật viên đó sẽ được lập tức rút đi và thay thế bằng Kỹ thuật viên khác. Mọi chi phí cho sự thay đổi đó do Bên giao chịu.

4.3.6. Trách nhiệm của Bên nhận: Bên nhận cam kết xin cấp thị thực xuất, nhập cảnh, giấy phép làm việc cần thiết, giấy phép cư trú và tạo điều kiện, thu xếp chỗ ăn, ở, di lại cho Kỹ thuật viên. Bên giao (hoặc Kỹ thuật viên) chịu phí tồn về ăn ở và các dịch vụ đó.

4.3.7. Chi phí cho Hỗ trợ kỹ thuật: Chi phí cho Hỗ trợ kỹ thuật do hai Bên thỏa thuận:....

4.3.8. Không thành công trong việc Hỗ trợ kỹ thuật: Bên giao phải bồi thường cho Bên nhận các chi phí, phụ phí hay mất mát xảy ra cho Bên nhận do việc Bên giao không cung cấp Hỗ trợ kỹ thuật đúng thời hạn hoặc đúng các yêu cầu đã định.

4.4. Tiến độ.

4.4.1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng: Các Bên thỏa thuận về tiến độ thực hiện Hợp đồng này như sau:

a) Sau... ngày kể từ khi Hợp đồng bắt đầu có hiệu lực, Bên giao gửi những Tài liệu sau:

(tài liệu) A sau... ngày;

(tài liệu) B sau... ngày;

và (v..v...)

b) Việc Đào tạo được bắt đầu và kết thúc vào ngày đã thỏa thuận ở Mục 4.2.

c) Ngày cấp Giấy phép sẵn sàng sản xuất chính thức là:....

4.4.2. Sự chậm trễ: Nếu Bên giao không gửi đầy đủ các loại tài liệu đã thỏa thuận vào đúng hay trước ngày đã quy định hoặc nếu vì những lý do có thể khắc phục được Bên giao không hoàn thành đào tạo đúng thời hạn thỏa thuận, thì Bên giao phải bồi thường cho Bên nhận các thiệt hại... (loại tiền)..... (số tiền) cho mỗi ngày chậm trễ đến mức tối đa là.... (loại tiền)..... (số tiền). Nếu tổng số ngày chậm trễ vượt quá.... (ngày) vì bất cứ lý do gì thì Bên nhận có quyền hủy bỏ Hợp đồng.

4.5. Chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức.

4.5.1. Chứng nhận: Sản xuất chính thức được bắt đầu sau khi hoàn thành tốt việc sản xuất thử.... (số giờ) sử dụng công nghệ được chuyển giao theo Hợp đồng này. Kiểm tra hoàn thành sản xuất thử được tiến hành trước hoặc đúng ngày mà hai Bên thỏa thuận tại khoản 4.4.1. Mục 4.4. Nếu hoàn thành tốt giai đoạn chạy thử, Bên nhận và Bên giao sẽ cùng ký vào Giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức. Mẫu của Giấy chứng nhận này được nêu tại Phụ lục C.

4.5.2. Thất bại và chậm trễ trong việc sản xuất thử: Nếu sản xuất thử bị thất bại, các Bên sẽ ngay lập tức cố gắng sửa chữa mọi sai sót trong việc áp dụng công nghệ.

Nếu việc sản xuất thử, cấp Giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức, hay việc lặp lại quá trình sản xuất thử được thực hiện quá chậm trễ do trách nhiệm của một Bên, thì Bên kia có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng số tiền là..... (số tiền)... (loại tiền).... tới mức tối đa là... (số tiền)... (loại tiền).../ngày. Nếu tổng số ngày chậm trễ vượt quá... (ngày) thì Bên không gây chậm trễ có quyền kết thúc Hợp đồng.

Điều 5. Giá cả

5.1. Giá thanh toán cho nội dung chuyển giao công nghệ (thường được quy định như sau):

a) Bí quyết, thông tin kỹ thuật, tài liệu (thường trả theo % Giá bán tịnh trong thời hạn Hợp đồng, tuy nhiên cũng có một số trường hợp tài liệu kỹ thuật được tính riêng theo hình thức trả gộp bằng một khoản tiền).

b) Đào tạo (thường trả gộp theo số lượng người và thời gian đi đào tạo);

c) Hỗ trợ kỹ thuật... (thường trả gọn theo số lượng Kỹ thuật viên và thời gian làm việc tại Bên nhận).

d) Sử dụng các đối tượng Sở hữu công nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ (nếu có).....

5.2. Giá có lợi nhất (nếu hai Bên thỏa thuận được trong Hợp đồng):

Bên giao cam kết rằng giá thỏa thuận sẽ không cao hơn giá tính cho Bên thứ ba (có tính đến những thay đổi chung về giá trong các trường hợp có thể so sánh được) hoặc giá sẽ được chào cho Bên thứ ba trong quá trình Hợp đồng này có hiệu lực.

Nếu Bên giao đã ký kết các Hợp đồng chuyển giao công nghệ tương tự với Bên thứ ba với giá thấp hơn giá được các Bên đã thống nhất trong Hợp đồng này thì ngay lập tức Bên giao sẽ giảm giá cho Bên nhận để tương đương với mức giá mà Bên giao đã thống nhất với Bên thứ ba và trả lại số tiền chênh lệch này cho Bên nhận.

Điều 6. Phương thức và điều kiện thanh toán.

6.1. Phương thức thanh toán (hai Bên có thể lựa chọn một trong các phương thức thanh toán sau đây):

a) Hai Bên thỏa thuận đưa giá trị công nghệ được chuyển giao vào vốn góp của Bên giao công nghệ trong Dự án đầu tư của Bên nhận với giá trị là..... (số tiền)..... (loại tiền) và chiếm tỷ lệ.....% tổng vốn đầu tư của Bên nhận;

b) Hai Bên thỏa thuận: Bên nhận trả kỳ vụ theo tỷ lệ..... (%) Giá bán tịnh (hoặc bằng cách xác định một khoản tiền phải trả cho một đơn vị sản phẩm được tạo ra do áp dụng công nghệ được chuyển giao) đã bán.

c) Hai Bên thỏa thuận: Bên nhận trả kỳ vụ theo tỷ lệ phần trăm Doanh thu thuần của Sản phẩm đã bán (hoặc phần trăm lợi nhuận trước thuế của Năm tài chính của Bên nhận);

d) Hai Bên thỏa thuận: Bên nhận trả gọn một lần (hoặc nhiều lần) là..... (số tiền)..... (loại tiền) (hoặc hàng hóa) phù hợp với tiến độ chuyển giao công nghệ và quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Hai Bên thỏa thuận: Bên nhận trả theo..... (phương thức thanh toán khác hoặc kết hợp các phương thức thanh toán nêu tại các khoản a, b, c, d của Điều này).

6.2. Điều kiện thanh toán.

a) Trả kỳ vụ: Ngày tính toán để trả tiền kỳ vụ là ngày cuối cùng của tháng ba, tháng sáu, tháng chín, tháng mười hai hàng năm (các Bên có thể thỏa thuận khác). Kỳ hạn trả tiền kỳ vụ là... (số) ngày kể từ sau ngày tính toán.

Thông báo về tiền trả kỳ vụ được gửi tới Bên giao trong vòng... (số) ngày kể từ ngày tính toán bao gồm cả Giá bán tịnh, tổng cộng giá đặt hàng của mỗi đơn đặt hàng và số loại Sản phẩm Bên nhận đã bán theo Hợp đồng này.

Bên nhận phải lưu giữ đầy đủ và cẩn thận các chứng từ và hồ sơ cần thiết cho việc tính toán và thẩm tra việc trả tiền kỳ vụ.

Cùng với việc thông báo, Bên nhận cho phép Bên giao, đại diện Bên giao hoặc một Công ty kiểm toán độc lập do Bên giao chỉ định kiểm tra hồ sơ. Công việc kiểm tra phải thực hiện trong thời gian làm việc bình thường và cho mục đích duy nhất là kiểm tra thông báo trả tiền kỳ vụ.

b) Trả gọn (nếu có): Khoản tiền này có thể được chia ra thành một số phần để chuyển cho Bên giao theo các thời điểm như sau:

- Trong vòng 30 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực.
- Nhận đầy đủ Tài liệu nêu tại khoản 4.1 Điều 4 nói trên của Hợp đồng này.
- Hoàn thành chương trình đào tạo đã thỏa thuận.
- Hoàn thành chạy thử kiểm tra, nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận sẵn sàng sản xuất chính thức.

6.3. Loại tiền.

Các khoản tiền trả cho Đào tạo, Hỗ trợ kỹ thuật và khoản trả khác có liên quan đến đào tạo và Hỗ trợ kỹ thuật theo Hợp đồng này (trừ khi được quy định khác) được thực hiện bằng... (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ).

Tiền trả kỳ vụ được tính bằng tiền Việt Nam. Để chuyển tiền cho Bên giao, số tiền kỳ vụ được chuyển đổi thành... (ngoại tệ) theo tỷ giá hối đoái chính thức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6.4. Sự chậm trễ.

Nếu chậm trả tiền vì những lý do không phải là bất khả kháng, thì Bên nhận phải trả tiền lãi cho khoản tiền chậm trễ đó. Lãi suất được tính cho số ngày chậm trễ

theo tỷ lệ lãi hàng năm là... (số) % nhưng không vượt quá tỷ lệ chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước... (Tên nước).

Điều 7. Thuế.

Nếu Chính phủ Việt Nam có quy định về thuế hải quan, lệ phí, hay các loại thuế tương tự khác (nếu có) đối với Bên nhận cho việc hình thành, áp dụng hay thực hiện Hợp đồng này thì tất cả những loại thuế như vậy Bên nhận phải chịu.

Nếu Chính phủ Việt Nam có quy định về thuế hải quan, lệ phí hay các loại thuế tương tự khác (nếu có) đối với Bên giao cho việc hình thành, áp dụng hay thực hiện Hợp đồng này thì tất cả những loại thuế như vậy do Bên giao hay do nhân viên Bên giao chịu.

Tất cả các thuế hải quan, cước phí, thuế hay các chi phí tương tự ở bên ngoài Việt Nam là do Bên giao chịu.

Điều 8. Các cải tiến và đổi mới.

8.1. Nghiên cứu và phát triển.

Phụ thuộc vào Điều 12 của Hợp đồng này về "Giữ bí mật", Bên nhận có quyền tự do thực hiện các nghiên cứu và phát triển và cho phép các Bên thứ ba thay mặt cho mình nghiên cứu và phát triển các Sản phẩm, quy trình sản xuất của Hợp đồng này.

8.2. Nghĩa vụ thông báo các cải tiến và đổi mới.

Bất cứ lúc nào trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, một trong hai Bên tìm ra, hay bằng cách khác có được bất kỳ cải tiến hay đổi mới nào trong thiết kế hay quy trình sản xuất Sản phẩm, thì Bên này phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết về cải tiến hay đổi mới đó (các Bên thỏa thuận về điều kiện chuyển giao công nghệ các cải tiến, đổi mới).

8.3. Chi phí chuyển giao các cải tiến và đổi mới.

Bên nhận không phải trả tiền cho việc chuyển giao cải tiến và đổi mới (của Bên giao). Tuy nhiên, Bên nhận phải thanh toán các phí tồn thực tế nảy sinh cho việc chuẩn bị tài liệu, đào tạo hay Hỗ trợ kỹ thuật.

8.4. Đăng ký Sở hữu công nghiệp đối với bí quyết mới:

Bên.... có quyền đăng ký Sở hữu công nghiệp đối với bí quyết mới do Bên.... tạo ra

Điều 9. Sự bảo đảm và bảo hành

9.1. Bảo đảm công nghệ.

Bên giao đảm bảo rằng công nghệ được chuyển giao phù hợp với việc sản xuất Sản phẩm, các tài liệu, đào tạo và Hỗ trợ kỹ thuật phù hợp với việc chuyển giao công nghệ.

9.2. Thủ tục trong trường hợp công nghệ có sai sót.

Nếu công nghệ, mặc dù được Bên nhận thực hiện đầy đủ và đúng với chỉ dẫn của Bên giao, dẫn tới việc sản xuất ra những Sản phẩm khác biệt so với các chỉ tiêu nêu tại Phụ lục A, thì Bên giao phải ngay lập tức:

- a) Xác minh nguyên nhân gây ra sai sót đó;
- b) Tiến hành những thay đổi cần thiết về công nghệ để sản xuất ra đúng các Sản phẩm đã được quy định;
- c) Thông báo cho Bên nhận những thay đổi đó;
- d) Cung cấp bổ sung tài liệu, đào tạo hay Hỗ trợ kỹ thuật cần thiết. Bên nhận sẽ không phải trả tiền cho việc cung cấp bổ sung này.

9.3. Đảm bảo về chi phí: Tất cả chi phí, mất mát hay thiệt hại của Bên nhận do sai sót về công nghệ của Bên giao gây ra sẽ được Bên giao đền bù.

9.4. Để đảm bảo duy trì và phát triển uy tín nhãn hiệu hàng hóa của Bên giao công nghệ, Bên giao có quyền kiểm tra định kỳ chất lượng Sản phẩm hàng hóa do Bên nhận sản xuất ra. Nếu Bên nhận không áp dụng đầy đủ và không theo đúng chỉ dẫn của Bên giao, chất lượng Sản phẩm không đạt được như nêu tại Phụ lục A, Bên giao công nghệ có quyền yêu cầu Bên nhận đình chỉ sản xuất, thu hồi các Sản phẩm không đảm bảo chất lượng, khắc phục các sai sót. Bên nhận phải chịu các phí tổn, mất mát do thiệt hại gây ra và chi phí khắc phục các sai sót đó.

9.5. Bảo hành: Bên giao bảo hành các nội dung công nghệ được chuyển giao (kể cả đối với chất lượng máy móc, thiết bị do Bên giao cung cấp) trong thời hạn..... kể từ ngày sản xuất chính thức.

Điều 10. Bảo vệ môi trường và ngăn chặn các hậu quả có hại.

Bên giao cam kết thông báo đầy đủ và rõ ràng cho Bên nhận tất cả thông tin mà Bên giao biết về những hậu quả có thể xảy ra đối với môi trường, môi sinh và

người lao động do việc sử dụng công nghệ; ngoài ra, khi có bất kỳ thông tin mới nào về môi trường hoặc hậu quả có hại thì Bên giao sẽ thông báo ngay, đầy đủ, rõ ràng cho Bên nhận.

Bên giao cam kết công nghệ được chuyển giao phù hợp với việc sản xuất các Sản phẩm đạt các chỉ tiêu về môi trường và an toàn lao động theo các văn bản pháp luật hiện hành của Chính phủ Việt Nam. Nếu việc sản xuất các Sản phẩm tại Bên nhận theo đúng công nghệ của Bên giao bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phán quyết là có gây tác hại đến môi trường và vì thế mà Bên nhận phải chịu thiệt hại thì Bên giao sẽ:

- Ngay lập tức tiến hành việc tìm hiểu và khắc phục các sai sót của công nghệ được chuyển giao và thông báo cho Bên nhận về các sai sót đó cũng như chỉ dẫn cho Bên nhận để khắc phục các sai sót đó.

- Chịu mọi trách nhiệm về việc bồi hoàn cho Bên nhận đối với các thiệt hại trực tiếp và các khoản bồi thường khác mà Bên nhận phải trả do sự việc đó.

Bên giao cam kết thông báo cho Bên nhận biết đầy đủ và rõ ràng tất cả thông tin mà Bên giao biết về việc ngăn cấm hay hạn chế việc sản xuất Sản phẩm theo công nghệ được chuyển giao ở bất cứ nước nào, vào bất cứ thời điểm nào.

Điều 11. Về vi phạm Quyền sở hữu công nghiệp của Bên thứ ba.

Bên giao cam kết rằng công nghệ của mình không vi phạm Quyền sở hữu công nghiệp của bất cứ Bên thứ ba nào tại Việt Nam.

Tuy nhiên, nếu có một Bên thứ ba tuyên bố rằng việc sử dụng công nghệ của Bên nhận là vi phạm Quyền sở hữu công nghiệp và có biện pháp chống lại Bên nhận, thì Bên nhận lập tức thông báo cho Bên giao. Bên giao chịu trách nhiệm bảo đảm cho Bên nhận được sử dụng công nghệ được chuyển giao trong thời hạn Hợp đồng và cả sau thời hạn Hợp đồng. Bên nhận sẽ hỗ trợ Bên giao ở mức độ cần thiết để bảo vệ việc sử dụng công nghệ, nhưng không phải thanh toán cho những chi phí nảy sinh.

Trong trường hợp xác minh được là có sự vi phạm Quyền sở hữu công nghiệp thì Bên giao đền bù và bồi hoàn cho Bên nhận những chi phí bảo vệ nói trên cũng như bất kỳ khoản bồi thường thiệt hại hay chi phí nào mà Tòa án phán quyết Bên nhận phải chịu.

Điều 12. Giữ bí mật.

Từng Bên nhất trí và cam kết với Bên kia rằng trong thời hạn của Hợp đồng đã được đăng ký cho dù Hợp đồng kết thúc hoặc chấm dứt sớm hơn thời hạn Hợp đồng đã được thỏa thuận và đăng ký sẽ không tiết lộ, dù là vô tình hay cố ý, về bất kỳ thông tin công nghệ nào (bao gồm bí quyết công nghệ, bí mật thương mại, kiến thức kỹ thuật, mẫu mã, công thức, quy trình, phương pháp và bất kỳ thông tin nào khác có giá trị thương mại) nhận được từ Bên kia, trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Sự thỏa thuận này sẽ không bị bác bỏ nếu không có lý do chính đáng.

Tuy nhiên, điều này không áp dụng đối với các thông tin mà Bên nhận đã biết được trước thời điểm chuyển giao công nghệ, cũng như đối với các thông tin công nghệ đã hoặc đang trở thành phổ biến rộng rãi không do vi phạm Hợp đồng này hoặc Bên nhận có được một cách hợp pháp từ các Bên thứ ba không hạn chế bảo mật. Đồng thời, trong chừng mực cần thiết để thực hiện mục tiêu của Hợp đồng này, Bên nhận được phép tiết lộ cho các nhân viên của mình hoặc người khác những thông tin công nghệ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình như sản xuất, sử dụng, bán hay thay đổi Sản phẩm với điều kiện là trước khi tiết lộ thông tin như vậy, Bên nhận phải thông báo cho nhân viên liên quan biết về nghĩa vụ bảo mật theo Hợp đồng này và phải bảo đảm sao cho các nhân viên đó thực hiện nghĩa vụ bảo mật trong mọi thời điểm.

Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên giao không được để lộ ra cho bất kỳ Bên thứ ba về thông tin bí mật mà Bên nhận đã chuyển cho Bên giao có liên quan đến Hợp đồng này.

Điều 13. Bất khả kháng

Nếu một trong hai Bên bị ngăn cản hay chậm trễ trong việc thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này vì những lý do bất khả kháng đã nêu tại khoản m Điều 1 của Hợp đồng này, thì Bên đó không bị coi là có lỗi và Bên kia sẽ không được nhận một sự bồi thường nào.

Tuy nhiên, nếu sự ngăn cản hay chậm trễ vượt quá... (số) ngày thì Bên không gây ngăn cản hay chậm trễ có quyền hủy bỏ Hợp đồng.

Điều 14. Hiệu lực của Hợp đồng

a) Thời điểm Hợp đồng có hiệu lực do hai Bên thỏa thuận (đối với Hợp đồng mà pháp luật không quy định phải đăng ký) hoặc:

b) Hợp đồng có hiệu lực kể từ khi hai Bên ký kết và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký (Đối với Hợp đồng mà pháp luật quy định là phải đăng ký mới có hiệu lực).

Các Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết ngay lập tức về việc nhận được xác nhận đăng ký của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Thời hạn, việc gia hạn và kết thúc Hợp đồng

15.1. Thời hạn của Hợp đồng.

Thời hạn của Hợp đồng là... (số) năm kể từ ngày Hợp đồng bắt đầu có hiệu lực.

15.2. Kết thúc và gia hạn Hợp đồng.

Vào cuối thời hạn này, Hợp đồng sẽ kết thúc trừ khi hai Bên cùng đồng ý gia hạn và được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu Hợp đồng thuộc diện phải đăng ký).

Sau khi Hợp đồng kết thúc, Bên nhận tiếp tục được sử dụng công nghệ không phải trả tiền trừ khi... (hai Bên có thỏa thuận khác).

15.3. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng hết thời hạn theo quy định trong Hợp đồng.
- b) Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên.
- c) Xảy ra những trường hợp bất khả kháng và các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng.
- d) Hợp đồng bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ, đình chỉ do vi phạm pháp luật.
- đ) Khi một Bên thừa nhận vi phạm Hợp đồng hoặc có kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Hợp đồng thì Bên bị vi phạm có quyền đơn phương đình chỉ việc thực hiện Hợp đồng đó (Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm Hợp đồng gây ra).

Điều 16. Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ.

Không một quyền và nghĩa vụ nào trong Hợp đồng, cũng như bản thân toàn bộ hay một phần Hợp đồng có thể chuyển nhượng lại hay chuyển giao bởi một Bên

cho một Bên thứ ba mà không có văn bản chấp thuận của Bên kia (và phải được xác nhận đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với Hợp đồng pháp luật quy định phải đăng ký).

Điều 17. Các thông báo

17.1. Bất kỳ một thông báo nào được đưa ra theo Hợp đồng này sẽ được gửi theo hình thức gửi bảo đảm bằng văn bản qua đường hàng không hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc bằng điện tín hoặc telefax được xác nhận bằng thông báo chuyển fax cho Bên kia theo số fax hay địa chỉ đã được thông báo.

17.2. Bất kỳ thông báo nào được chuyển đi được coi là đã có hiệu lực sau.... ngày kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thư hàng không sau..... ngày làm việc kể từ ngày chuyển bằng điện tín hoặc telefax và..... ngày làm việc kể từ ngày gửi bằng dịch vụ chuyển phát nhanh.

17.3. Các thông báo phải được gửi tới các địa chỉ thích hợp của từng Bên như sau:

Bên giao: (Tên).....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....
Số fax:.....

Bên nhận: (Tên).....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....
Số fax:.....

Mỗi Bên thông báo ngay cho Bên kia nếu thay đổi địa chỉ.

Điều 18. Về việc không có hiệu lực từng phần.

Nếu một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng này không có hiệu lực hay trở thành không có hiệu lực, các điều khoản còn lại vẫn không bị ảnh hưởng.

Nếu có điều khoản nào đó không có hiệu lực hay mất hiệu lực, thì các Bên có trách nhiệm thay thế điều khoản đó bằng điều khoản mới có hiệu lực và đáp ứng được mục đích ban đầu của điều khoản đã mất hiệu lực.

Nếu các Bên không thể thỏa thuận nội dung của điều khoản mới trong vòng.....

tháng kể từ khi đàm phán thì bất kỳ Bên nào, tùy theo sự lựa chọn của mình, có thể chấm dứt toàn bộ Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 19. Thỏa thuận toàn bộ và sửa đổi.

19.1. Thỏa thuận toàn bộ.

Hợp đồng này tạo ra sự thỏa thuận và hiểu biết đầy đủ giữa hai Bên đối với việc chuyên giao công nghệ. Bất kỳ thỏa thuận nào không được thể hiện trong Hợp đồng này đều không có giá trị pháp lý.

19.2. Sửa đổi.

Nếu các Bên đồng ý sửa đổi hay bổ sung Hợp đồng này thì việc sửa đổi hay bổ sung phải được thể hiện bằng văn bản được hai bên cùng ký và chỉ có hiệu lực khi được xác nhận đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đối với Hợp đồng mà pháp luật quy định phải được xác nhận đăng ký).

Điều 20. Ngôn ngữ.

20.1. Ngôn ngữ của Hợp đồng.

a. Hợp đồng này được soạn thảo bằng hai thứ tiếng là tiếng Việt và tiếng (ngôn ngữ do hai Bên thỏa thuận - nếu có). Văn bản bằng hai thứ tiếng có giá trị pháp lý ngang nhau.

b. Các Hợp đồng đã được ký, mỗi Bên giữ..... bản và gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền..... bản bằng cả hai thứ tiếng.

20.2. Ngôn ngữ của thư từ và các thông tin khác.

Ngôn ngữ cho thư từ giao dịch và tất cả các thông tin khác giữa hai bên là... (ngôn ngữ do hai Bên thỏa thuận nếu Hợp đồng có yếu tố nước ngoài).

Điều 21. Luật áp dụng.

Hợp đồng này và tất cả các vấn đề có liên quan tới việc soạn thảo Hợp đồng, hiệu lực của Hợp đồng và thực hiện Hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam (trong trường hợp Hợp đồng có yếu tố nước ngoài và pháp luật Việt Nam không điều chỉnh một đối tượng cụ thể nào đó thì Luật..... sẽ điều chỉnh).

Điều 22. Giải quyết tranh chấp.

22.1. Cách giải quyết.

Bất cứ tranh chấp, tranh luận hay các phát sinh xuất phát hoặc có liên quan tới việc hình thành, tính hiệu lực, sự hiểu biết, việc thực hiện, việc vi phạm hay hủy bỏ Hợp đồng này được giải quyết trước hết thông qua thương lượng và hòa giải giữa hai Bên. Trong trường hợp không hòa giải được, các Bên tranh chấp có thể lựa chọn sự xét xử của Trọng tài (hoặc Tòa án xét xử).

Trong trường hợp Hợp đồng có yếu tố nước ngoài, các Bên có thể lựa chọn sự xét xử của Trọng tài phù hợp với luật phân xử của Ủy ban của Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế, (hoặc có thể lựa chọn:

+ Hội đồng Trọng tài quốc tế bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (hoặc Trọng tài một nước thứ ba).

+ Một Hội đồng Trọng tài do các Bên thỏa thuận thành lập....)

22.2. Địa điểm và ngôn ngữ Trọng tài phân xử:

+ Địa điểm phán xử của Trọng tài sẽ ở.....(tên thành phố).

+ Ngôn ngữ Trọng tài phán xử sẽ là (tên ngôn ngữ).

22.3. Số lượng Trọng tài:

22.4. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với các Bên, các Bên đồng ý sẽ tuân thủ quyết định của Trọng tài, trừ khi có quyết định khác của Trọng tài, chi phí Trọng tài sẽ do Bên thua chịu.

22.5. Các tranh chấp về Hợp đồng, dù là đang được các Bên bàn bạc hay đang được Trọng tài giải quyết cũng không miễn trừ cho các Bên khỏi việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ theo các điều khoản không tranh chấp của Hợp đồng.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Các bên đã ký Hợp đồng tại..... vào ngày..... tháng... năm..... để thực hiện Hợp đồng một cách hợp pháp.

Bên giao công nghệ (*)

Bên nhận công nghệ (*)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

Phụ lục A

(của mẫu Hợp đồng)

Tên Sản phẩm, chỉ tiêu chất lượng Sản phẩm và quy trình sản xuất.

1. Tên Sản phẩm, các đặc tính kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng Sản phẩm và dịch vụ.
2. Năng lực sản xuất của công nghệ:
3. Quy trình sản xuất, chỉ tiêu tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, năng lượng. Tỷ lệ phế phẩm và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật...
4. Thành phần, khối lượng chất thải (rắn, lỏng, khí).

Phụ lục B

(của mẫu Hợp đồng)

BÊN GIAO

(Tên)

BÊN NHẬN

(Tên)

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Căn cứ Hợp đồng..... (tên Hợp đồng chuyển giao công nghệ) giữa... (tên Bên giao) và... (tên Bên nhận) ký ngày..... tháng..... năm..... và Xác nhận đăng ký số... ngày.....tháng.....năm....

của..... (Tên cơ quan xác nhận đăng ký)

Chứng nhận Ông (Bà).....

đã hoàn thành chương trình đào tạo về..... (chuyên môn đào tạo) từ ngày..... tháng.... năm.....đến ngày..... tháng..... năm..... tại..... (địa điểm đào tạo).

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÊN GIAO (*)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

BÊN NHẬN (*)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

Phụ lục C
(của mẫu Hợp đồng)

BÊN GIAO

(Tên)

BÊN NHẬN

(Tên)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
SẴN SÀNG SẢN XUẤT CHÍNH THỨC**

Căn cứ Hợp đồng..... (tên Hợp đồng chuyển giao công nghệ) giữa... (tên Bên giao) và... (tên Bên nhận) ký ngày... tháng.... năm..... và Xác nhận đăng ký số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (Tên cơ quan xác nhận đăng ký).

Chứng nhận rằng từ ngày.... tháng... năm Bên nhận đã đủ khả năng sẵn sàng sản xuất chính thức các Sản phẩm phù hợp với chỉ tiêu nêu tại Phụ lục.... của Hợp đồng nói trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÊN GIAO (*)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

BÊN NHẬN (*)

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

(*) Nếu là Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước giữa hai tổ chức thì hai Bên phải ký, đóng dấu. Nếu là Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam thì Bên nhận phải đóng dấu, trong trường hợp Bên giao không có điều kiện đóng dấu thì Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký phải có Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người ký là đại diện Bên giao. Nếu là Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thì Bên giao phải ký đóng dấu và trong trường hợp Bên nhận không có điều kiện đóng dấu thì Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký phải có Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người ký là đại diện Bên nhận.

Ghi chú: một số lưu ý khi sử dụng bản mẫu Hợp đồng này.

1. Đây là một mẫu Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam để tham khảo cho việc soạn thảo các Hợp đồng chuyển giao công nghệ. Tùy theo loại Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hay chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài và nội dung công nghệ được chuyển giao mà các Bên có thể điều chỉnh, bổ sung nội dung Hợp đồng cho phù hợp.

2. Trong mẫu Hợp đồng, một số thuật ngữ để trong ngoặc đơn để gợi ý cho việc soạn thảo Hợp đồng cụ thể.